

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2020
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020**

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CÀU THÁI HÀ

MỤC LỤC
----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 26

HAI

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (viết tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 16/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 06/02/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ tư ngày 06/02/2020 là 485.000.000.000 VND (Bốn trăm tám mươi lăm tỷ đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị và thu phí cầu đường.

Tên tiếng Anh: THAI HA BRIDGE BOT JOINT STOCK

Tên viết tắt: BOT CAU THAI HA.,JSC

Mã chứng khoán: BOT

Trụ sở chính: Thôn Phú Vật, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Ngô Tiến Cương	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật
Ông	Nguyễn Đức Ý	Thành viên
Ông	Hoàng Quốc Anh	Thành viên

Giám đốc

Ông	Nguyễn Đức Ý	Tổng Giám đốc
-----	--------------	---------------

Kế toán trưởng

Ông	Trần Xuân Phương	
-----	------------------	--

4. Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

00513
CHI
CÔNG
KIỂM
DỊCH
TP.HC
TR

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.


6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thái Bình, ngày 07 tháng 08 năm 2020

Thay mặt Hội đồng quản trị



Ngô Tiên Cương

Chủ tịch HĐQT

41-
NHÀ
TY
I T
VỤ T
CHÍ
NG



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email : info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: A0620028 - SXR/AISHN - TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi :

BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập, trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh VIII.5, trong năm Công ty đã thay đổi chính sách khấu hao tài sản cố định từ khấu hao đường thẳng sang khấu hao theo phương pháp khấu hao theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án. Việc thay đổi chính sách khấu hao này dẫn đến các điều chỉnh hồi tố liên quan do ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Công ty.

22-0
H
NH
AN
HC
NH
TP

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp theo)

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc đến thuyết minh số VIII.6 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 về khoản lỗ lũy kế 144.403.988.647 đồng. Doanh thu năm 2019 chỉ đạt 16% và 6 tháng đầu năm 2020 mới chỉ đạt 13,02% so với phương án tài chính. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh liên tục bị âm từ thời điểm Công ty bắt đầu hoạt động thu phí. Hiện tại các khoản nợ tín dụng được thanh toán nhờ vào sự tài trợ của cổ đông lớn là Công ty TNHH Tiến Đại Phát. Các yếu tố trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có công văn số 05/2020/TH-KTKH gửi Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục đường bộ Việt Nam và Ban quản lý dự án Thăng Long đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại từ bước lập dự án đầu tư, mời nhà đầu tư, triển khai xây dựng, khai thác dự án cầu Thái Hà là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cũng đã đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có thể thu đúng, thu đủ để hoàn vốn đầu tư, như: đề xuất được lắp đặt bổ sung trạm thu phí, thực hiện tư vấn lập dự án đánh giá lưu lượng xe thực tế qua cầu, được vốn hóa các chi phí trong thời gian chờ hoạt động,...Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và cấp có thẩm quyền về các nội dung theo Công văn nêu trên.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, với tài sản hiện hữu thuộc sở hữu của Công ty là Cầu Thái Hà (tổng giá trị đầu tư là 1.381,314 tỷ đồng) và 96,151 tỷ đồng thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư đang làm thủ tục hoàn thuế), cùng với sự hỗ trợ cam kết tài chính dài hạn để thanh toán các khoản nợ tín dụng của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo văn bản số 09/TDP-TCKT ngày 02/02/2019 thì Công ty chắc chắn sẽ hoạt động liên tục trong tương lai.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và Báo cáo soát xét đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và Báo cáo kiểm toán đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2020

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**

PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ KHẮC CHUYỀN

Số Giấy CNDKHNKT: 0160-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.634.784.710	104.873.477.543
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.815.891.832	842.878.023
1. Tiền	111		4.815.891.832	842.878.023
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.667.507.564	6.651.984.844
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2	3.497.614.400	3.482.091.680
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	3.169.893.164	3.169.893.164
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		96.151.385.314	97.378.614.676
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.4	96.151.385.314	97.378.614.676
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.369.398.532.753	1.373.498.597.268
I. Tài sản cố định	220		1.369.398.532.753	1.373.498.597.268
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.369.398.532.753	1.373.498.597.268
- Nguyên giá	222		1.381.314.802.070	1.381.314.802.070
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.916.269.317)	(7.816.204.802)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.477.033.317.463	1.478.372.074.811

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.136.437.306.110	1.090.089.634.879
I. Nợ ngắn hạn	310		137.313.431.697	77.865.760.466
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.6	16.014.883.562	15.983.844.458
2. Phải trả người lao động	314		174.318.433	0
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.7	22.873.423.988	2.200.310.294
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.8a	10.805.714	3.605.714
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9a	96.980.000.000	58.838.000.000
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.260.000.000	840.000.000
II. Nợ dài hạn	330		999.123.874.413	1.012.223.874.413
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9b	996.423.874.413	1.010.423.874.413
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.700.000.000	1.800.000.000
III. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		340.596.011.353	388.282.439.932
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	340.596.011.353	388.282.439.932
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		485.000.000.000	485.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		485.000.000.000	485.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(144.403.988.647)	(96.717.560.068)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(96.717.560.068)	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(47.686.428.579)	(96.717.560.068)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.477.033.317.463	1.478.372.074.811

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Xuân Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Xuân Phương

Thái Bình, ngày 07 tháng 08 năm 2020



Ngô Tiến Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12.577.404.544	10.690.528.181
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	12.577.404.544	10.690.528.181
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	6.387.749.678	5.826.169.321
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.189.654.866	4.864.358.860
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		313.739	333.580
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	53.362.003.544	53.078.728.102
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		53.362.003.544	53.078.728.102
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	514.393.640	678.216.493
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(47.686.428.579)	(48.892.252.155)
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(47.686.428.579)	(48.892.252.155)
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(47.686.428.579)	(48.892.252.155)

Thái Bình, ngày 07 tháng 08 năm 2020

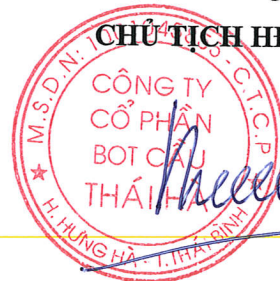

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT


Trần Xuân Phương

Trần Xuân Phương

Ngô Tiến Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		13.835.145.000	11.759.581.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(281.794.696)	(587.797.271)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(946.884.480)	(948.743.867)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(32.688.889.850)	(53.977.670.137)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		0	1.200.000
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(86.875.904)	(134.214.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.169.299.930)	(43.887.644.280)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		0	333.580
2. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		313.739	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		313.739	333.580
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	29.230.000.000	56.443.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(5.088.000.000)	(11.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24.142.000.000	44.643.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		3.973.013.809	755.689.300
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60		842.878.023	66.540.070
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.I	4.815.891.832	822.229.370

Thái Bình, ngày 07 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Xuân Phương

Trần Xuân Phương



Ngô Tiến Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

- Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (viết tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 16/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 06/02/2020.
- Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ tư ngày 06/02/2020 là 485.000.000.000 VND (Bốn trăm tám mươi lăm tỷ đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

Tên tiếng Anh: THAI HA BRIDGE BOT JOINT STOCK

Tên viết tắt: BOT CAU THAI HA.,JSC

Trụ sở chính: Thôn Phú Vật, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị và thu phí cầu đường.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Phá vỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Không có.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2020: 32 nhân viên.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019 đã được soát xét có thể so sánh được.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty là Cầu Thái Hà, được đầu tư theo hợp đồng BOT Từ năm 2020, tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án theo quy định tại thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC.

4. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả người lao động, phải trả khác, ... tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

5. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: chi phí lãi tiền vay; chi phí trích trước cho các công trình...

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả (tiếp theo)

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả gồm dự phòng sửa chữa tài sản hàng năm, dự phòng sửa chữa định kỳ theo phương án tài chính đã được duyệt.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại), chi phí bằng tiền khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

12. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

14. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, trả trước cho người bán, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động thu phí là 10%.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị: Đồng.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2020		01/01/2020	
	Tiền			
Tiền	4.815.891.832		842.878.023	
Tiền mặt	4.813.000.257		839.957.779	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.891.575		2.920.244	
Cộng	4.815.891.832		842.878.023	
2. Trả trước cho người bán	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	3.497.614.400	0	3.482.091.680	0
Công ty Cổ phần thương mại Trường Lưu Thủy	2.500.000.000	0	2.500.000.000	0
Trung tâm phát triển quỹ đất Huyện Hưng Hà	612.091.680	0	612.091.680	0
Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và định giá Thăng Long - TDK tại Hà Nội	330.000.000	0	330.000.000	0
Công ty Bảo Việt nhân thọ Hà Nội	55.522.720	0	0	0
Công ty TNHH kiểm toán CPA Vietnam	0	0	40.000.000	0
Cộng	3.497.614.400	0	3.482.091.680	0
3. Phải thu khác	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn (*)	3.169.893.164	0	3.169.893.164	0
Công ty TNHH Tiến Đại Phát - XL 03	2.642.445.621	0	2.642.445.621	0
Ủy ban nhân dân xã Tiên Đức	200.000.000	0	200.000.000	0
Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh địa ốc Hà Nội	174.428.180	0	174.428.180	0
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bản Thái	137.963.980	0	137.963.980	0
Công ty CP Cầu 11 Thăng Long	14.954.042	0	14.954.042	0
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển kinh doanh Vượng phát	101.341	0	101.341	0
Cộng	3.169.893.164	0	3.169.893.164	0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

3. Phải thu khác (tiếp theo)

(*) Khoản phải thu tiền điện của các nhà thầu trong giai đoạn thi công, số tiền này sẽ được bù trừ với công nợ phải trả khi dự án được Bộ GTVT phê duyệt quyết toán.

b. Phải thu khác bên liên quan	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Tiến Đại Phát - XL 03	2.642.445.621	0	2.642.445.621	0
Cộng	2.642.445.621	0	2.642.445.621	0

4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	30/06/2020	01/01/2020
Thuế giá trị gia tăng từ mua hàng trong nước	96.151.385.314	97.378.614.676
Cộng	96.151.385.314	97.378.614.676

5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	1.381.314.802.070	1.381.314.802.070
Số dư cuối kỳ (*)	1.381.314.802.070	1.381.314.802.070
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ (**)	(7.816.204.802)	(7.816.204.802)
Khấu hao trong kỳ	(4.100.064.515)	(4.100.064.515)
Số dư cuối kỳ	(11.916.269.317)	(11.916.269.317)
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	1.373.498.597.268	1.373.498.597.268
Số dư cuối kỳ	1.369.398.532.753	1.369.398.532.753

(*) Tài sản cố định hữu hình là giá trị công trình cầu Thái Hà được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh. Công ty đang thực hiện kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

6. Phải trả người bán

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	16.014.883.562	0	15.983.844.458	0
Công ty Cổ phần Cầu 14 - CIENCO 1	5.974.897.650	0	5.974.897.650	0
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	3.522.330.279	0	3.522.330.279	0
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	2.435.060.700	0	2.435.060.700	0
Công ty Cổ phần Xây dựng D&T Việt Nam	828.388.000	0	828.388.000	0
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	744.307.604	0	744.307.604	0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

6. Phải trả người bán (tiếp theo)	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Địa Ốc Hà Nội	682.632.000	0	682.632.000	0
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Bình Minh	651.652.600	0	651.652.600	0
Công ty Cổ phần 16 - CIENCO 1	419.917.000	0	419.917.000	0
Công ty Tư vấn thiết kế kiến trúc xây dựng	355.000.000	0	355.000.000	0
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Thái Sơn	173.446.000	0	173.446.000	0
Phải trả người bán khác	227.207.717	0	196.168.794	0
Cộng	16.014.883.562	0	15.983.844.458	0

b. Phải trả người bán bên liên quan

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	744.307.604	0	744.307.604	0
Cộng	744.307.604	0	744.307.604	0

7. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí lãi vay phải trả	22.873.423.988	2.200.310.294
Cộng	22.873.423.988	2.200.310.294

8. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020	01/01/2020
Bảo hiểm xã hội	8.606.250	2.868.750
Bảo hiểm y tế	1.518.750	506.250
Bảo hiểm thất nghiệp	675.000	225.000
Phải trả ngắn hạn khác	5.714	5.714
Cộng	10.805.714	3.605.714

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

10. Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	400.000.000.000	0	400.000.000.000
Tăng vốn	85.000.000.000	0	85.000.000.000
Lỗi trong kỳ	0	(96.717.560.068)	(96.717.560.068)
Số dư tại 31/12/2019	485.000.000.000	(96.717.560.068)	388.282.439.932
Số dư tại 01/01/2020	485.000.000.000	(96.717.560.068)	388.282.439.932
Lỗi trong kỳ	0	(47.686.428.579)	(47.686.428.579)
Số dư tại 30/6/2020	485.000.000.000	(144.403.988.647)	340.596.011.353

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/6/2020	01/01/2020
Vốn góp của các cổ đông	100,00%	485.000.000.000	485.000.000.000
Cộng	100,00%	485.000.000.000	485.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Vốn góp của chủ sở hữu	485.000.000.000	400.000.000.000
Vốn góp đầu năm	485.000.000.000	400.000.000.000
Vốn góp cuối năm	485.000.000.000	400.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.500.000	48.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	48.500.000	48.500.000
Cổ phiếu phổ thông	48.500.000	48.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.500.000	48.500.000
Cổ phiếu phổ thông	48.500.000	48.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.577.404.544	10.690.528.181
Cộng	12.577.404.544	10.690.528.181
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.577.404.544	10.690.528.181
Cộng	12.577.404.544	10.690.528.181

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	6.387.749.678	5.826.169.321
Cộng	6.387.749.678	5.826.169.321
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi tiền vay	53.362.003.544	53.078.728.102
Cộng	53.362.003.544	53.078.728.102
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	175.117.750	172.970.843
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.394.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	313.789.554	444.516.661
Chi phí bằng tiền khác	22.486.336	57.334.989
Cộng	514.393.640	678.216.493
6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Chi phí nhân công		1.142.802.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định		4.130.757.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài		313.789.554
Chi phí khác bằng tiền		25.486.336
Cộng		5.612.836.770

7. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

7.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ. Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

7.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020		
Đồng	+100	(10.885.879.826)
Đồng	-100	10.885.879.826
Giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019		
Đồng	+100	(111.411.164.504)
Đồng	-100	111.411.164.504

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn so với các kỳ trước.

7.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khác

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

7.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30/6/2020	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	16.014.883.562	0	16.014.883.562
Chi phí phải trả	22.873.423.988	0	22.873.423.988
Vay và nợ thuê tài chính	96.980.000.000	996.423.874.413	1.093.403.874.413
Cộng	232.848.307.550	996.423.874.413	1.229.272.181.963

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 01/01/2020	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	15.983.844.458	0	15.983.844.458
Chi phí phải trả	2.200.310.294	0	2.200.310.294
Vay và nợ thuê tài chính	58.838.000.000	1.010.423.874.413	1.069.261.874.413
Cộng	77.022.154.752	1.010.423.874.413	1.087.446.029.165

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

8. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 - DN

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo):

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ					
	30/6/2020		01/01/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.815.891.832	0	842.878.023	0	4.815.891.832	842.878.023
Phải thu khác	3.169.893.164	0	3.169.893.164	0	3.169.893.164	3.169.893.164
TỔNG CỘNG	7.985.784.996	0	4.012.771.187	0	7.985.784.996	4.012.771.187
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán	16.014.883.562	0	15.983.844.458	0	16.014.883.562	15.983.844.458
Chi phí phải trả	22.873.423.988	0	2.200.310.294	0	22.873.423.988	2.200.310.294
Vay và nợ thuê tài chính	1.093.403.874.413	0	1.069.261.874.413	0	1.093.403.874.413	1.069.261.874.413
TỔNG CỘNG	1.132.292.181.963	0	1.087.446.029.165	0	1.132.292.181.963	1.087.446.029.165

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ là phần không thể tách rời của báo cáo này.

(RÚ)
CHV
M
GT
N
304

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	29.230.000.000	56.443.000.000

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	5.088.000.000	11.800.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Nhà đầu tư
Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam	Nhà đầu tư
Công ty Cổ phần PIV	Nhà đầu tư
Ông Ngô Tiến Cường	Nhà đầu tư
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty	Quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Giao dịch với Bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
Vay và nợ thuê tài chính			
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Nhà đầu tư	Vay ngắn hạn	22.230.000.000
Ông Ngô Tiến Cường	Chủ tịch HĐQT	Vay ngắn hạn	7.000.000.000

Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
Phải thu khác ngắn hạn			
Công ty TNHH Tiến Đại Phát - XL 03	Nhà đầu tư	2.642.445.621	2.642.445.621
Phải trả người bán			
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Nhà đầu tư	744.307.604	744.307.604

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Vay và nợ thuê tài chính

Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Nhà đầu tư	69.068.000.000	46.838.000.000
Ông Ngô Tiến Cường	Chủ tịch HĐQT	7.000.000.000	0

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Doanh thu của Công ty đến từ hoạt động thu phí (100%), địa bàn chủ yếu ở Thái Bình nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và lĩnh vực địa lý.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2020 trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và giai đoạn từ ngày 01/01/19 đến ngày 30/6/2019 trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2019	Chênh lệch
		đến 30/6/2019	đến 30/6/2019	
Số đã trình bày				
Số trình bày lại				
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn hàng bán (1)	11	42.668.883.565	5.826.169.321	36.842.714.244
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(31.978.355.384)	4.864.358.860	(36.842.714.244)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(85.734.966.399)	(48.892.252.155)	(36.842.714.244)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(85.734.966.399)	(48.892.252.155)	(36.842.714.244)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(85.734.966.399)	(48.892.252.155)	(36.842.714.244)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	01/01/2020 Số đã trình bày	01/01/2020 Số trình bày lại	Chênh lệch
Trên bảng cân đối kế toán				
Khoản mục Tài sản cố định hữu hình	221	1.298.019.437.126	1.373.498.597.268	(75.479.160.142)
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (2)</i>	223	(83.295.364.944)	(7.816.204.802)	(75.479.160.142)
Khoản mục nợ ngắn hạn	310	0	840.000.000	(840.000.000)
<i>Dự phòng phải trả ngắn hạn (3)</i>	321	0	840.000.000	(840.000.000)
Khoản mục nợ dài hạn	330	0	1.800.000.000	1.800.000.000
<i>Dự phòng phải trả dài hạn (4)</i>	342	0	1.800.000.000	1.800.000.000
Khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421b	(169.556.720.210)	(96.717.560.068)	(72.839.160.142)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (5)</i>	421b	(169.556.720.210)	(96.717.560.068)	(72.839.160.142)

Chi tiết các bút toán điều chỉnh hồi tố đầu kỳ như sau:

- (1): Điều chỉnh giảm chỉ tiêu 11 - Giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh số tiền 36.842.714.244 đồng. Do ảnh hưởng kép từ việc thay đổi khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm số tiền 38.162.714.244 đồng và điều chỉnh tăng chi phí dự phòng phải trả về sửa chữa cầu Thái Hà số tiền 1.320.000.000 đồng
- (2): Điều chỉnh giảm chỉ tiêu 223 - Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình trên Bảng cân đối kế toán số tiền 75.470.160.142 đồng do thay đổi trong phương pháp tính khấu hao từ khấu hao theo đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án.
- (3): Điều chỉnh tăng chỉ tiêu 321 - Dự phòng phải trả ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán số tiền 840.000.000 đồng do Kiểm toán ước tính chi phí dự phòng phải trả về sửa chữa cầu Thái Hà theo phương án tài chính.
- (4): Điều chỉnh tăng chỉ tiêu 342 - Dự phòng phải trả dài hạn trên Bảng cân đối kế toán số tiền 1.800.000.000 đồng do Kiểm toán ước tính chi phí dự phòng phải trả về sửa chữa cầu Thái Hà theo phương án tài chính
- (5): Điều chỉnh giảm chỉ tiêu 421b - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán số tiền 72.839.160.142 đồng do ảnh hưởng kép từ việc giảm Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình số tiền là 75.470.160.142 đồng và điều chỉnh tăng chi phí dự phòng phải trả về sửa chữa cầu Thái Hà số tiền là 2.640.000.000 đồng.

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

Tính đến thời điểm 30/6/2020, khoản lỗ lũy kế thể hiện trên Báo cáo tài chính là 144.403.988.647 đồng (lũy kế đến 31/12/2019 là 96.717.560.068 đồng). Doanh thu năm 2019 chỉ đạt 16% và 6 tháng đầu năm 2020 mới chỉ đạt 13,02% so với phương án tài chính. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh liên tục bị âm từ thời điểm Công ty bắt đầu hoạt động thu phí. Hiện tại các khoản nợ tín dụng được thanh toán nhờ vào sự tài trợ của cổ đông lớn là Công ty TNHH Tiến Đại Phát.

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có công văn số 05/2020/TH-KTKH gửi Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục đường bộ Việt Nam và Ban quản lý dự án Thăng Long đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại từ bước lập dự án đầu tư, mời nhà đầu tư, triển khai xây dựng, khai thác dự án cầu Thái Hà là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cũng đã đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có thể thu đúng, thu đủ để hoàn vốn đầu tư, như: đề xuất được lắp đặt bổ sung trạm thu phí, thực hiện tư vấn lập dự án đánh giá lưu lượng xe thực tế qua cầu, được vốn hóa các chi phí trong thời gian chờ hoạt động,...Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và cấp có thẩm quyền về các nội dung theo Công văn nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

6. Thông tin về hoạt động liên tục (tiếp tục)

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, với tài sản hiện hữu thuộc sở hữu của Công ty là Cầu Thái Hà (tổng giá trị đầu tư là 1.381,314 tỷ đồng) và 96,151 tỷ đồng thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư đang làm thủ tục hoàn thuế), cùng với sự hỗ trợ cam kết tài chính dài hạn để thanh toán các khoản nợ tín dụng của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo văn bản số 09/TDP-TCKT ngày 02/02/2019 thì Công ty chắc chắn sẽ hoạt động liên tục trong tương lai.

Thái Bình, ngày 07 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Xuân Phương

Trần Xuân Phương

Ngô Tiến Cường